

Số: 70 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động
tại Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền

Thực hiện Quyết định số 94/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền, ngày 12/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302975517, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 25/7/2023.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: c12/21, quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất, kinh doanh các loại phân bón vô cơ, hữu cơ, vi sinh, vi lượng, các chất điều hòa tăng trưởng cho cây trồng, vật nuôi; nghiên cứu các sản phẩm phân bón; kinh doanh xuất khẩu các loại sản phẩm phân bón, các thiết bị và công nghệ sản xuất phân bón, công cụ máy nông nghiệp, giống cây trồng và các loại nông sản.

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp:

+ Các phòng chức năng: Phòng Tổng hợp; Phòng Marketing; Phòng Kinh doanh; Phòng Kế toán; Phòng Kỹ thuật sản xuất; Phòng Vật tư – Xuất nhập khẩu; Phòng Nghiên cứu và phát triển; Phòng Quản lý chất lượng; Nhà máy phân bón Bình Điền Long An.

+ Các đơn vị thành viên: Công ty Cổ phần Bình Điền – Mekong; Công ty Cổ phần Bình Điền – Quảng Trị; Công ty Cổ phần Bình Điền – Lâm Đồng; Công ty Cổ phần Bình Điền – Ninh Bình; Công ty TNHH MTV Thể thao VTV Bình Điền – Long An.

- Điện thoại giao dịch: 08 37561191

Fax: 08 37560696

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 007 100 102 8835 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 119 000 004 797 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 1380 027 950 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 16042 0101 3790 mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tại thời điểm thanh tra): 431 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (số liệu theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.899.455,9	2.075.758,5	1.942.828,3	1.805.346,4	2.287.011,9
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	1.899.455,9	2.075.758,5	1.942.828,3	1.805.346,4	2.287.011,9
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	3.820.439,6	5.005.333,5	4.451.624,4	4.991.727,0	4.124.886
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	3.675.439,6	4.839.140,5	4.296.624,4	4.754.238,6	3.964.886
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	266.761	288.304 (L: 122.111)	285.247	316.430 (L: 123.942)	267.000
6	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	145.000	166.193	155.000	237.488	160.000
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	29.509	41.619	27.004	43.517	34.991

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên website của doanh nghiệp, các trang tuyển dụng timviecnhanh, careerbuilder, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và trực tiếp phỏng vấn và tuyển dụng người lao động ứng tuyển.

- Không thu phí tuyển dụng người lao động.
- Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 04 người (Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng).

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 426 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 426 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 384 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 42 người.

+ Số người thử việc: 01 người (Hoàng Gia Hân). Hợp đồng thử việc đã giao kết chưa thỏa thuận nội dung về trang bị bảo hộ lao động cho người thử việc.

+ Số người lao động thuê lại: không.

+ Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: không.

- Kiểm tra xác suất 05 hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Nguyễn Thị Chúc Thơ, Võ Thị Dương, Tô Chí Hữu, Bùi Tấn Phong và Phạm Minh Kha), mục công việc phải làm ghi “làm những công việc được quy định cụ thể theo phân công của Tổ trưởng và Ban điều hành nhà máy”.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 25 lao động thôi việc. Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 15 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 125.023.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thỏa ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm.

- Đã ký kết thỏa ước lao động tập thể năm 2022 có thời hạn 03 năm. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn

bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định.

- Thỏa ước lao động có một số thoả thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tổ chức thăm quan du lịch, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ, trợ cấp đột xuất khó khăn, mua bảo hiểm nhân thọ.

- Đã thực hiện các nội dung thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể.

- Thỏa ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh ngày ngày 16/2/2022.

- Đang áp dụng quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp ban hành tại Quyết định số 802/QĐ.TH-BĐ ngày 01/12/2021 của Tổng giám đốc.

5. Tiền lương và trả công lao động

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động:

+ Đang áp dụng thang lương, bảng lương ban hành tại Quyết định số 5A-HĐQT ngày 22/1/2019 của Tổng giám đốc và lấy ý kiến của tổ chức công đoàn cơ sở.

+ Đang áp dụng định mức lao động áp dụng ban hành năm 2003.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	HSLBQ	Số lao động	HSLBQ
Lao động quản lý cấp trung	16	2,9	16	2,9
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	85	1,45	86	1,45
Công nhân trực tiếp SXKD	176	1,1	173	1,1
Nhân viên thừa hành, phục vụ	159	1,3	152	1,3
Tổng số	436		427	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ): phụ cấp chức vụ, độc hại nguy hiểm

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	MPCBQ	Số người	MPCBQ
Trưởng phòng	13	1.300.000	13	1.300.000
Phó phòng		1.100.000		1.100.000
Độc hại, nguy hiểm	223	1.000.000	223	1.000.000

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về các nội dung gồm: quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chấp thuận bằng văn bản (Công văn số 06/CV.TH-BĐ ngày 05/01/2023 của doanh nghiệp, Công văn số 106/HCVN-TCNS ngày 2/2/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; Công văn số 09/CV.TH-BĐ ngày 2/01/2024 của doanh nghiệp, Công văn 136/HCVN-TCNS ngày 01/2/2024 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam).

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động hằng năm:

Quỹ tiền lương kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/3/2022 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 110 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 theo Quyết định số 07-2/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 115 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2024 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 107 tỷ đồng.

Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 theo Quyết định số 07-1/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 115 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2024 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 140 tỷ đồng.

- Việc xây dựng quy chế trả lương, quy chế thưởng:

+ Doanh nghiệp đã xây dựng quy chế trả lương đối với người lao động ban hành theo Quyết định số 36/QĐ-HĐQT ngày 04/6/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó quy định: “*người lao động làm thêm theo yêu cầu của Lãnh đạo, phụ trách trực tiếp*”, không quy định phải có sự đồng ý của người lao động.

+ Đã xây dựng quy chế thưởng (Quyết định số 41/QĐ-HĐQT ngày 26/7/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

- Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện và quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập, doanh nghiệp quyết toán tiền lương cho người lao động.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2022 là 362,4 triệu đồng/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2022 là 383,28 triệu đồng/người/năm, bằng 105,8% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2022 là 12,91 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2022 là 13,5 triệu đồng/người/tháng, bằng 104,5% tiền lương kế hoạch bình quân.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2023 là 383,52 triệu đồng/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2023 là 542,77 triệu đồng/người/năm, bằng 141,5% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2023 là 13,5 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2023 là 17,23 triệu đồng/người/tháng, bằng 127,7% tiền lương kế hoạch bình quân.

- Đã trả lương làm thêm giờ, làm việc vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: không phát sinh

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh việc khấu trừ trái quy định.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca:

Năm	Chi ăn ca (đồng)	Số người hưởng	Mức bình quân tháng (đồng)
2022	6.142.886.930	440	1.163.425
2023	7.513.443.837	431	1.452.715

- Các khoản phụ cấp khác (nếu có): không có

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/người/tháng	37	15	10	45	19	12
2	Phụ cấp	Triệu đồng/người/tháng	0	0	0	0	0	0
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/người/tháng	0	0	0	0	0	0
4	Thu nhập khác (bổ sung)	Triệu đồng/người/tháng	8	3	2	11	5	3
5	Tổng thu nhập	Triệu đồng/người/tháng	45	18	12	56	24	15

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Tại thời điểm thanh tra, số lượng cán bộ quản lý chuyên trách: 04 người (Tổng giám đốc, 2 Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng).

- Tại thời điểm thanh tra, số người quản lý không chuyên trách: 07 người (04 thành viên Hội đồng quản trị, 03 thành viên Ban kiểm soát).

- Đã báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý với đại diện chủ sở hữu.

- Đã xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý.

- Đã xây dựng quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

- Quỹ tiền lương kế hoạch:

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT ngày 04/3/2022 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 2,301 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023 theo Quyết định số 07-2/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 2,047 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 26/01/2024 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 2,047 tỷ đồng.

- Quỹ tiền lương thực hiện:

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 theo Quyết định số 07-1/QĐ-HĐQT ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 2,132 tỷ đồng.

+ Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 theo Quyết định số 26/QĐ-HĐQT ngày 01/3/2024 của Hội đồng quản trị doanh nghiệp là 2,456 tỷ đồng.

- Tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

TT	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	47,58	52
2	Phó Tổng Giám đốc	41,06	50,8
3	Phó Tổng Giám đốc	41,06	50,8
4	Kế toán trưởng	41,06	50,8

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: doanh nghiệp đã xây dựng quỹ thù lao của người quản lý và được Đại hội đồng cổ đông thông qua, doanh nghiệp chỉ thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý như sau:

TT	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch HĐQT	8	8
2	Thành viên HĐQT	6	6
3	Thành viên HĐQT	6	6
4	Thành viên HĐQT năm 2022	6	-

5	Thành viên HĐQT năm 2023	-	6
6	Trưởng ban Kiểm soát	6	6
7	Kiểm soát viên	4	4
8	Kiểm soát viên	4	4

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý:
- + Quỹ khen thưởng năm 2022 là 266,5 triệu đồng theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông.
- + Quỹ khen thưởng năm 2023 là 312 triệu đồng.
- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý theo quy định.
- Phân phối tiền thưởng cụ thể đối với từng chức danh:

TT	Chức danh	Tiền thưởng (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	4,46	Chưa chi
2	Phó Tổng Giám đốc	3,46	
3	Phó Tổng Giám đốc	3,46	
4	Kế toán trưởng	2,5	

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác gồm: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh

nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động là Tổng giám đốc doanh nghiệp.

- Đang sử dụng nội quy lao động đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/9/2021.

- Khoản 2 và khoản 3 Điều 35 nội quy lao động quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ.

- Chưa gửi nội quy lao động có hiệu lực đến cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương nơi doanh nghiệp có trụ sở nhà máy trực thuộc.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị xử lý kỷ luật.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 69 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

- + Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- + Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc;
- + Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.
- + Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.
- + Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.
- + Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi nghỉ thai sản.
- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài, lao động là người khuyết tật và người lao động cao tuổi.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Năm 2023, doanh nghiệp đã thực hiện đánh giá, phân loại lao động theo điều kiện lao động đối với 17 chức danh nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (tổng số 159 người lao động có điều kiện lao động loại IV) để thực hiện chế độ liên quan.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm và đã lấy ý kiến Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

- Đã bố trí 02 người trình độ đại học, chuyên ngành kỹ thuật làm công tác an toàn và môi trường theo chế độ chuyên trách.

- Đã bố trí 03 người làm công tác y tế gồm: 01 Bác sỹ, 01 Y sỹ và 01 Dược sỹ.

- Đã thành lập mạng lưới an toàn, vệ sinh viên gồm 25 người; đã chi trả phụ cấp mức 200.000 đồng/người/tháng đối với an toàn viên và mức 250.000 đồng/người/tháng đối với tổ trưởng.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 69 thiết bị (29 bình chịu áp lực, 40 thiết bị nâng các loại cần trục). Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với các máy, thiết bị và còn hạn kiểm định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người sử dụng lao động và người lao động (04 người nhóm I; 02 người nhóm II; 154 người nhóm III; 473 người nhóm IV; 3 người nhóm V và 26 người nhóm VI).

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định; số theo dõi cấp phát có một số người chưa ký nhận (bộ phận kỹ thuật, lò hơi và kho bao bì).

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại (mức 1 và 2) theo Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 06 vụ tai nạn lao động nhẹ; doanh nghiệp đã tổ chức điều tra lập biên bản điều tra tai nạn lao động, tuy nhiên chưa lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động. Biên bản điều tra vụ tai nạn lao động làm ông Nguyễn Văn Út bị thương nhẹ bàn tay chưa kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý theo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định: kết quả quan trắc năm 2022 có 12/612 mẫu không đạt tiêu chuẩn, năm 2023 có 6/344 mẫu không đạt tiêu chuẩn (tiếng ồn).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động thyeo quy định.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản (tháng 3/2022, đã khám 399 người; tháng 3/2023, đã khám 423 người); tất cả người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm được khám lần 2 vào tháng 9 hằng năm để xác định bệnh nghề nghiệp.

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 430 người. Số người đã tham gia: 430 người.

- Tại thời điểm thanh tra, số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 01 người thử việc.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 02/2024: 1.079.480.200 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.4. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.5. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.6. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Nội dung thỏa ước lao động có thỏa thuận nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

1.7. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.8. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.9. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động.

1.10. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.11. Người đại diện phân vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.12. Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

1.13. Đang sử dụng nội quy lao động đăng ký với cơ quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh năm 2019.

1.14. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phát sinh việc phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.15. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.16. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.17. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.18. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.19. Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.20. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.21. Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại.

1.22. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.23. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.24. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.25. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 430 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.26. Tại thời điểm thanh tra, doanh nghiệp đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hằng năm theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Bộ luật Lao động.

2.2. Hợp đồng thử việc đã giao kết với người thử việc chưa thỏa thuận nội dung về trang bị bảo hộ lao động là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 24 Bộ luật Lao động.

2.3. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 05 người lao động (Nguyễn Thị Chúc Thơ, Võ Thị Dương, Tô Chí Hữu, Bùi Tấn Phong và Phạm Minh Kha), mục công việc phải làm ghi “làm những công việc được quy định cụ thể theo phân công của Tổ trưởng và Ban điều hành nhà máy” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.4. Hồ sơ thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.5. Quy chế trả lương đối với người lao động quy định “người lao động làm thêm theo yêu cầu của Lãnh đạo, phụ trách trực tiếp” là chưa đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 107 Bộ luật Lao động.

2.6. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao đối với người quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.7. Doanh nghiệp đã chi tiền ăn ca cho người lao động với mức bình quân 1.163.425 đồng/người/tháng của năm 2022 và 1.452.715 đồng/người/tháng

của năm 2023 là vượt quá mức chi tối đa theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

2.8. Khoản 2 và khoản 3 Điều 35 nội quy lao động quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ là chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.9. Chưa gửi bản nội quy lao động đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở của nhà máy trực thuộc theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật Lao động.

2.10. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.11. Sổ trang cấp, theo dõi việc trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân chưa có chữ ký xác nhận của người lao động hoặc người đại diện bộ phận kỹ thuật, lò hơi và kho bao bì nơi người lao động làm việc là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 25/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về chế độ trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

2.12. Chưa lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.13. Biên bản điều tra vụ tai nạn lao động làm ông Nguyễn Văn Út bị thương nhẹ chưa kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẤP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục vi phạm nêu tại điểm 2.12 và 2.13 khi phát sinh.
- Khắc phục các vi phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024./.

Nơi nhận: *lưu*

- Doanh nghiệp (đề t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (đề báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



[Handwritten signature]
Nguyễn Thị Hồng Diệp

